

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/NQ-HĐND
DỰ THẢO

Hậu Giang, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày.....tháng....năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây viết tắt là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng

a) Sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình (sau đây gọi tắt là sở, ban, ngành tỉnh và địa phương).

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững.

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

Điều 3. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn và căn cứ tính hệ số

1. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

a) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Cứ 1% tổng tỷ lệ hộ nghèo và tỷ lệ hộ cận nghèo	0,1

b) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Cứ 1.000 hộ nghèo và hộ cận nghèo	0,1

c) Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
--	--------------

Cứ 01 đơn vị hành chính cấp xã	0,1
--------------------------------	-----

d) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

Điều 4. Xác định điểm của từng tiêu chí theo từng Dự án

1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo.

a) Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương của Dự án cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 Nghị quyết này.

2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương của Tiêu dự án cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương thực hiện theo quy định tại điểm c Điều 3 Nghị quyết này.

b) Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng.

Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương của Tiêu dự án cho Sở Y tế (cơ quan chủ trì Tiêu dự án) để tập trung nguồn lực triển khai thực hiện Tiêu dự án có trọng tâm, trọng điểm.

3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng khó khăn

Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương của Tiêu dự án cho Ủy ban nhân dân cấp huyện có xã thuộc vùng khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu

vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

b) Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương của Tiêu dự án cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan chủ trì Dự án 4) để tập trung nguồn lực triển khai thực hiện Tiêu dự án có trọng tâm, trọng điểm.

4. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- Phân bổ tối đa 30% vốn ngân sách trung ương của Tiêu dự án 1 cho Sở Thông tin và Truyền thông (cơ quan chủ trì Tiêu dự án); tối thiểu 70% cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 Nghị quyết này.

b) Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Phân bổ tối đa 50% vốn ngân sách trung ương của Tiêu dự án 2 cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan chủ trì Tiêu dự án); tối thiểu 50% cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 Nghị quyết này.

5. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Phân bổ tối đa 50% vốn ngân sách trung ương của Dự án 7 cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan chủ trì Dự án); tối thiểu 50% cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 Nghị quyết này.

6. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện các Dự án, Tiêu dự án thuộc chương trình

Hàng năm, ngân sách tỉnh bố trí đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình và thực hiện việc phân bổ vốn theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức tại Quy định này.

Điều 5. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang khoá X Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày... tháng... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày...tháng... năm 2022./.

CHỦ TỊCH***Nơi nhận:***

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN, TP. HCM);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Y tế;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và đoàn thể tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.